

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2017 đến hết ngày 30/06/2017

Mã chứng khoán: **EVE**

Loại hình: **Báo cáo tài chính hợp nhất**

Hà Nội – Tháng 7 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5-6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7-8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9-33

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)		850,293,785,208	804,991,252,918
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	137,769,366,331	79,148,811,059
111	1. Tiền		54,426,366,331	48,648,811,059
112	2. Các khoản tương đương tiền		83,343,000,000	30,500,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		8,500,000,000	73,140,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	8,500,000,000	73,140,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		262,920,326,417	243,742,976,292
131	1. Phải thu khách hàng	6	199,575,989,056	180,180,602,822
132	2. Trả trước cho người bán		23,330,877,528	6,071,660,749
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	29	60,773,000,000	60,773,000,000
136	4. Các khoản phải thu khác		1,770,549,590	6,100,750,847
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(22,530,089,757)	(9,383,038,126)
140	IV. Hàng tồn kho	7	427,392,870,729	405,618,484,232
141	1. Hàng tồn kho		432,719,002,564	412,586,637,519
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5,326,131,835)	(6,968,153,287)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13,711,221,731	3,340,981,335
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7,513,010,916	3,190,981,335
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6,048,210,815	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		150,000,000	150,000,000

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)		313,898,283,488	309,836,108,255
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2,216,240,409	1,647,711,335
216	4. Phải thu dài hạn khác		3,491,567,205	2,923,038,131
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(1,275,326,796)	(1,275,326,796)
220	II. Tài sản cố định		288,664,467,180	285,736,663,309
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	278,986,815,634	274,781,108,969
222	- Nguyên giá		523,883,162,842	505,473,867,741
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(244,896,347,208)	(230,692,758,772)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	77,597,122	83,274,958
225	- Nguyên giá		113,556,756	113,556,756
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35,959,634)	(30,281,798)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9,600,054,424	10,872,279,382
228	- Nguyên giá		39,451,177,876	39,451,177,876
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29,851,123,452)	(28,578,898,494)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2,638,200,000	2,638,200,000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12	-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5	2,638,200,000	2,638,200,000
260	III. Tài sản dài hạn khác		20,379,375,899	19,813,533,611
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	16,054,346,881	15,147,738,448
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		4,325,029,018	4,665,795,163
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		1,164,192,068,696	1,114,827,361,173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

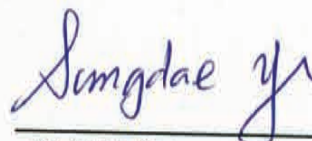
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MÃ SỐ B 01-DN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết	30/06/2017	01/01/2017
300	A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		226,520,117,342	155,177,746,983
310	I. Nợ ngắn hạn		178,420,558,320	108,391,290,137
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	39,314,597,700	43,809,854,386
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		16,704,688,628	5,647,479,131
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	11,546,606,514	26,760,029,293
314	4. Phải trả người lao động		11,542,859,120	11,454,147,070
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		6,197,028.134	2,546.128.909
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	7,122,493,438	1,038,688,812
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	85,992,284,786	17,134,962,536
330	II. Nợ dài hạn		48,099,559,022	46,786,456,846
337	3. Phải trả dài hạn khác		3,639,487,782	3,849,537,782
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	43,694,956,368	41,405,772.228
343	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		765,114,872	1,531,146,836
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)		937,671,951,354	959,649,614,190
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	937,671,951,354	959,649,614,190
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]		419,797,730,000	419,797,730,000
411a	-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419,797,730,000	419,797,730,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		203,072,724,247	203,072,724,247
417	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		359,726,250	(172,241,448)
420	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14,519,415,863	12,055,386,440
421	11. [Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế]		299,922,354,994	324,896,014,951
421a	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		278,495,114,385	235,281,188,675
421b	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		21,427,240,609	89,614,826,276
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		1,164,192,068,696	1,114,827,361,173



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc phụ
trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

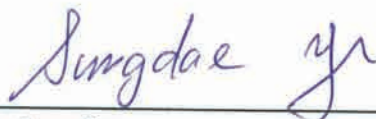
Cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2/2017		6 Tháng năm 2017		Quý 2/2016		6 tháng năm 2016	
01	1. Doanh thu bán hàng	19	222,349,016,056	372,807,105,659	226,483,648,420	377,959,662,529				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		48,671,454	45,553,373	103,320,306	152,555,911				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	19	222,300,344,602	372,761,552,286	226,380,328,114	377,807,106,618				
11	4. Giá vốn hàng bán	20	150,348,907,436	249,359,067,105	146,788,327,853	247,378,045,329				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)		71,951,437,166	123,402,485,181	79,592,000,261	130,429,061,289				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,417,976,882	6,920,272,297	(660,722,345)	7,340,783,528				
22	7. Chi phí tài chính	22	2,883,290,416	4,074,653,685	161,729,900	3,218,654,462				
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		975,406,319	1,687,575,383	1,187,768,647	2,553,750,721				
24	8. Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết		-	-	1,273,623,971	1,207,454,781				
25	9. Chi phí bán hàng	23	26,717,229,993	47,098,075,043	16,636,097,365	33,242,675,083				
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	27,149,309,298	51,208,289,013	27,870,324,688	48,267,546,749				
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))		17,619,584,341	27,941,739,737	34,263,125,963	54,248,423,304				
31	12. Thu nhập khác	24	(843,623,193)	386,784,916	(159,231,102)	342,372,576				
32	13. Chi phí khác	25	61,772,605	61,819,137	247,514,437	1,592,602,853				
40	14. Lợi nhuận khác (40=31-32)		(905,395,798)	324,965,779	(406,745,539)	(1,250,230,277)				
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)		16,714,188,543	28,266,705,516	35,130,004,395	52,998,193,027				
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	4,494,485,614	6,498,698,762	7,135,528,753	10,844,088,003				
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27	(206,239,313)	340,766,145	-	-				
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)		12,425,942,242	21,427,240,609	27,994,475,642	42,154,105,024				
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-	-	-				
	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		12,425,942,242	21,427,240,609	27,994,475,642	42,154,105,024				
70	19. Lãi Cơ bản trên cổ phiếu	28	296	510	671	1,010				
	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		296	510	671	1,010				

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính



Lê Jae Eun
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 Tháng năm 2017	6 tháng năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		28,266,705,516	52,998,193,027
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		15,481,491,230	15,909,385,882
03	Các khoản dự phòng		11,505,030,177	4,217,230,998
04	(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(186,540,760)	(1,209,675,544)
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(2,523,783,723)	(6,232,794,956)
06	Chi phí lãi vay		1,687,575,383	2,553,750,721
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54,230,477,823	68,236,090,128
09	Thay đổi các khoản phải thu		(39,629,539,561)	(31,828,815,166)
10	Thay đổi hàng tồn kho		(20,132,365,041)	(52,364,861,850)
11	Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả,		12,865,880,737	27,508,220,840
12	Thay đổi chi phí trả trước		(5,228,638,012)	125,347,172
13	Tiền lãi vay đã trả		(1,679,606,588)	(2,667,445,785)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22,616,740,926)	(31,578,459,283)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2,782,743,854)	(3,700,895,510)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(24,973,275,422)	(26,270,819,454)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang		(14,387,318,223)	(29,854,450,885)
22	2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	501,016,182
23	3. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn		-	(104,248,500,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn		64,640,000,000	165,075,500,000
25	5. Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		22,743	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3,603,461,367	6,239,307,158
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		53,856,165,887	37,712,872,455
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ nhận vốn góp của các cổ đông		-	22,564,158,603
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		80,138,315,497	106,615,895,395
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(9,206,133,436)	(74,217,346,008)
	4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(17,348,021)	(13,949,878)
36	5. Cổ tức đã trả cho cổ đông		(41,920,159,254)	(55,897,223,350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		28,994,674,786	(948,465,238)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		57,877,565,251	10,493,587,763
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		79,148,811,059	46,536,789,925
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		742,990,021	(5,720,024)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		137,769,366,331	57,024,657,664

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc phụ
trách Tài chính



CÔNG TY
CỔ PHẦN
EVERPIA
H. GIA LÂM - T. P. HÀ NỘI

Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia (trước đây là Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 15 ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đổi tên từ “Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam” thành “Công ty Cổ phần Everpia”.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dung nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản, thiết kế chuyên dụng.

Công ty có trụ sở chính tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.301 người (tại 31 tháng 12 năm 2016 là 1.341 người).

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất vải không dệt, vải lọc ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác

Thực hiện quyền nhập khẩu và quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ, lập cơ sở bán lẻ thứ nhất và nhượng quyền thương mại) các loại máy móc, nguyên vật liệu và các sản phẩm trong ngành sản xuất và kinh doanh vải không dệt, vải lọc, ni, chăn ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Thực hiện quyền xuất khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, ni, chăn ga trải giường, gối, đệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vải không dệt, vải lọc, ni, chăn ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cụ thể là thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) hàng hóa là đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh và đồ văn phòng có mã HS 3924, 7013, 4419, 7323, 6911, 6912, 6913, 9403, 9401

Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cụ thể là thực hiện quyền xuất khẩu hàng hóa là đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh và đồ văn phòng có mã HS 3924, 7013, 4419, 7323, 6911, 6912, 6913, 9403, 9401

Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Hoạt động trang trí nội thất

Kinh doanh bất động sản dưới hình thức : Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại tại các địa điểm thực hiện dự án quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Sản xuất khăn và vải dùng may khăn, vải dệt thoi và hàng dệt khác chưa phân vào đâu

Cấu trúc doanh nghiệp Công ty có các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại Hưng Yên	Văn Lâm, Hưng Yên	Sản xuất kinh doanh chăn ga gối đệm...
Chi nhánh tại TP Hồ chí Minh	Thành phố Hồ chí Minh	Kinh doanh chăn ga .
Chi nhánh tại Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh chăn ga gối đệm...
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Kinh doanh chăn ga,
Chi nhánh tại Hòa Bình	Lương Sơn, Hòa Bình	Trung bày sản phẩm
Địa điểm kinh doanh – Cơ sở bán lẻ	Tầng 1, TTTM Garden, Hà nội	Bán lẻ hàng hóa

Danh sách công ty con và công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 30/06/2017 như sau:

Công ty TNHH Everpia Cambodia: công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 554/BKHDT. Hoạt động chính của công ty là kinh doanh chăn ga, gối, nệm, tư vấn và chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất chăn ga, thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quyết định của quy định pháp luật. Công ty nắm 100% vốn cổ phần của công ty con này. Tại ngày 30/6/2017, công ty con này đã được chuyển nhượng cho đối tác khác

Công ty Cổ phần Texpia: là công ty liên kết với Công ty CP Everpia, với số vốn góp vào công ty Texpia của công ty CP Everpia sẽ chiếm 44% cổ phần công ty. Công ty Texpia là công ty chuyên về sản xuất và gia công các loại khăn và vải dệt khăn. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty Cổ phần Everpia đã góp 11,590,390,000 đồng.

Công ty Cổ phần Everpia Korea: Ngày 01 tháng 08 năm 2016, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201600179. Số vốn đầu tư là 1.500.000 USD. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác, Tư vấn và chuyên giao công nghệ , Thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu , Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm là bộ đồ ăn, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh đồ dung văn phòng, đồ trang trí nội thất đồ dùng gia đình cho mục đích tương tự, đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, công ty đã chuyển tiền đầu tư sang cho công ty con này, số tiền là 1.000.000 USD

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm theo dương lịch của Công ty bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm

Quý 2 tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- ▶ Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014
- ▶ Thông tư 202/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014

Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Việt nam đồng

Việc áp dụng tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính tuân thủ theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp theo Bộ tài chính ban hành và có hiệu lực trong năm tài chính

3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu Kỳ phiếu, tín phiếu, kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
Có thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh thì phân loại là tài sản ngắn hạn
Có thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh thì phân loại là tài sản dài hạn

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo hoạt động kinh doanh trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo hành, bảo dưỡng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định được thanh lý, bán thì các khoản lỗ lãi được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2017 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Tài sản cố định thuê tài chính

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu trong hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài chính, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Khi tài sản cố định vô hình được bán, thanh lý thì khoản lãi lỗ phát sinh được ghi nhận vào báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giá trị thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản vô hình của doanh nghiệp theo giá mua vào của các hợp đồng chuyển nhượng có liên quan.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	2017 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	04

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê mặt bằng thể hiện số tiền thuê trả trước tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại theo giấy chứng nhận đầu tư của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, công ty được coi là ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị đầu tư

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư của công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư của công ty liên kết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư vốn góp vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm kế hoạch được hướng dẫn theo thông tư 228/2009 và thông tư số 89/2013. Tăng giảm số dư khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết trong kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và loại nguyên tệ phải trả và tuân theo nguyên tắc:

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập của người mua, gồm các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ, các khoản phải trả liên quan đến chi trả tài chính như các khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, các chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả, các khoản phải trả do bên thứ 3 chi hộ, các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, các khoản phải trả về BHXH, BHYT, KPCD ...

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính

Hạch toán chi tiết và theo dõi theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm khoản doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng trả tiền mua cho số lượng sản phẩm của công ty trong một thời gian quy định

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trợ cấp thôi việc phải trả này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo điều 42 của Bộ luật Lao động

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu
Thặng dư cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị phát hành thực tế và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hay tái phát hành cổ phiếu quỹ
Cổ phiếu quỹ là vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại “cổ phiếu quỹ” được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lỗ/lãi khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo điều lệ của Công ty.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị cả Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Quỹ này được trích lập để sử dụng cho mục đích khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tài chính bao gồm

Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức: Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý cả khoản góp vốn kinh doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư khác.

Lãi tỷ giá hối đoái, bao gồm cả lãi bán ngoại tệ

Giá vốn hàng bán

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành và có hiệu lực trong năm tài chính

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận bao gồm chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay, chi phí góp vốn... Các hoạt động này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ và không bù trừ với doanh thu tài chính

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, dịch vụ
Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí liên quan đến lương của nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các chi phí có liên quan như BHXH, BHYT... và các chi phí có liên quan đến hoạt động của công ty

Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn ga, gối, nệm và bông. Đồng thời hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi các khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, ban giám đốc nhận định công ty chỉ có một bộ phận hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó thông tin theo bộ phận sẽ không được trình bày.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	413,939,871	670,761,319
Tiền gửi ngân hàng	54,012,426,460	47,978,049,740
Các khoản tương đương tiền (*)	83,343,000,000	30,500,000,000
	<u>137,769,366,331</u>	<u>79,148,811,059</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn tại bất kỳ thời điểm nào.

THÔNG TIN BỔ SUNG

	<u>2,017</u>	<u>VND</u> <u>2016</u>
Số tiền vay thực thu trong năm		
Số tiền thu từ vay theo kế ước thông thường	80,138,315,497	106,615,895,395
Số tiền đã trả		
Số tiền trả theo kế ước	(9,206,133,436)	(74,217,346,008)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	(17,348,021)	(13,949,878)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8,500,000,000	73,140,000,000
	<u>8,500,000,000</u>	<u>73,140,000,000</u>

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm.

ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	2,638,200,000	2,638,200,000
	<u>2,638,200,000</u>	<u>2,638,200,000</u>

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu và giá trị là 2.638.200.000 đồng. Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này do cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	197,521,407,813	178,974,195,038
Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Phú Trường Giang	4,542,246,870	8,660,898,816
CÔNG TY CỔ PHẦN WELCRON GLOBAL VIỆT NAM	7,388,524,536	7,921,768,085
RSCO CO., LTD	3,831,091,485	5,186,214,570
AT- PHO HUE -278	1,064,189,233	4,904,525,592
GLOBAL GARMENT SOURCING CO.,LTD	8,672,006,090	4,896,229,069
Pan Pacific	15,929,490,736	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	156,093,858,863	147,404,558,906
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan	2,054,581,243	1,206,407,784
	<u>199,575,989,056</u>	<u>180,180,602,822</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(22,530,089,757)	(9,383,038,126)

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1,589,878,132	13,907,889,386
Nguyên liệu, vật liệu	234,988,990,953	207,115,603,974
Công cụ, dụng cụ	-	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9,756,086	22,295,952
Thành phẩm	186,059,780,786	182,552,792,701
Hàng hoá	9,452,233,893	8,988,055,506
Hàng gửi đi bán	618,362,713	
	<u>432,719,002,564</u>	<u>412,586,637,519</u>
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho thành phẩm	(4,637,870,631)	(6,279,892,083)
Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho	(688,261,204)	(688,261,204)
	<u>(5,326,131,835)</u>	<u>(6,968,153,287)</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền thuê Showroom Keangnam	7,213,193,750	7,380,175,025
Tiền thuê đất ở Hòa bình	5,079,166,667	5,429,545,455
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	956,234,052	1,242,478,256
Thiết bị quản lý văn phòng	32,892,047	453,097,232
Khác	2,772,860,365	642,442,480
	<u>16,054,346,881</u>	<u>15,147,738,448</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	182,094,947,025	258,080,528,574	19,645,957,115	26,517,602,606	19,134,832,421	505,473,867,741
Tăng trong kỳ	10,477,418,577	6,815,922,013	674,518,273	2,409,901,727	359,564,684	20,737,325,274
Giảm trong kỳ	872,561,600	1,228,700,253	-	154,950,400	71,817,920	2,328,030,173
Tại ngày 30/06/2017	191,699,804,002	263,667,750,334	20,320,475,388	28,772,553,933	19,422,579,185	523,883,162,842
Trong đó						
Đã khấu hao hết	444,434,009	88,336,360,415	6,892,654,690	883,644,973	3,727,011,981	100,284,106,068
Tài sản sử dụng để thế chấp	15,174,006,236	47,108,852,028		5,670,290,909		67,953,149,173
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	45,030,192,190	150,505,357,334	10,818,330,948	13,387,963,329	10,950,914,971	230,692,758,772
Trích vào chi phí trong kỳ	3,500,939,550	8,802,722,198	470,421,079	1,867,089,654	883,339,338	15,524,511,819
Giảm trong kỳ	44,531,200	1,103,583,863	-	109,510,400	63,297,920	1,320,923,383
Tại ngày 30/06/2017	48,486,600,540	158,204,495,669	11,288,752,027	15,145,542,583	11,770,956,389	244,896,347,208
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/06/2017	143,213,203,462	105,463,254,665	9,031,723,361	13,627,011,350	7,651,622,796	278,986,815,634
Tại ngày 01/01/2017	137,064,754,835	107,575,171,240	8,827,626,167	13,129,639,277	8,183,917,450	274,781,108,969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Máy photocopy</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2017	113,556,756	113,556,756
- Mua trong năm		-
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Tại ngày 30/06/2017	113,556,756	113,556,756
Giá trị hao mòn		
Tại ngày 01/01/2017	30,281,798	30,281,798
- Khấu hao trong năm	5,677,836	5,677,836
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Tại ngày 30/06/2017	35,959,634	35,959,634
		-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	83,274,958	83,274,958
Tại ngày 30/06/2017	77,597,122	77,597,122

- Đây là khoản nợ thuê máy photo theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 03 năm 2014 giữa công ty và Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn là 48 tháng và lãi suất là 1.83%/tháng

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	23,494,500,000	7,831,500,000	7,438,284,189	686,893,687	39,451,177,876
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	23,494,500,000	7,831,500,000	7,438,284,189	686,893,687	39,451,177,876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	16,137,011,848	7,315,137,120	4,439,855,839	686,893,687	28,578,898,494
Trích vào chi phí trong nă	613,124,013	258,181,318	400,919,628	-	1,272,224,958
Tại ngày 30/06/2017	16,750,135,861	7,573,318,438	4,840,775,467	686,893,687	29,851,123,452
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2017	6,744,364,140	258,181,563	2,597,508,722	-	9,600,054,424
Tại ngày 01/01/2017	7,357,488,152	516,362,880	2,998,428,350	-	10,872,279,382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	VND
	Công ty CP Texpia
Giá trị đầu tư	
Tại ngày 31/12/2016	11,590,390,000
Tại ngày 30/06/2017	11,590,390,000
Phần lũy kế lỗ / lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết	
Tại ngày 31/12/2016	(11,590,390,000)
Tại ngày 30/06/2017	(11,590,390,000)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/12/2016	-
Tại ngày 30/06/2017	-

Vào ngày 04/09/2015, Công ty đã hoàn tất việc mua 44% cổ phần trong công ty CP Texpia với phí chuyển nhượng là 11.590.390.000 VND. Tại ngày 31/12/2016, phần lỗ lũy kế của công ty Texpia chưa được ghi nhận là 678.819.287. Tại ngày 30/06/2017 phần lỗ lũy kế chưa được ghi nhận của 6 tháng năm 2017 là 759.955.332. Tổng lỗ chưa ghi nhận là 1.438.774.619 vnd

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	VND				VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	78,180,178,738	78,180,178,738	78,180,178,738	-	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7,709,932	7,709,932		17,348,021	25,057,953	25,057,953
Vay dài hạn đến hạn trả	7,804,396,116	7,804,396,116		6,570,708,467	14,375,104,583	14,375,104,583
Vay đối tượng khác				2,734,800,000	2,734,800,000	2,734,800,000
	85,992,284,786	85,992,284,786	78,180,178,738	9,322,856,488	17,134,962,536	17,134,962,536

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	43,660,207,537	43,660,207,537	8,760,517,576	6,471,333,436	41,371,023,397	41,371,023,397
Công ty thuê tài chính quốc tế	34,748,831	34,748,831	0	-	34,748,831	34,748,831
	43,694,956,368	43,694,956,368	8,760,517,576	6,471,333,436	41,405,772,228	41,405,772,228

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngân hàng và cá nhân khác

Ngân hàng	Tại ngày 30/6/2017		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	Nguyên tệ USD			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	31,627,254,657	1,290,293	4-5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Từ 3.847%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	19,837,348,996		5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Từ 6.83% đến 7%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng Woori Bank	31,583,211,991	1,393,949	Vay ngắn hạn 06 tháng	2.630%	Đảm bảo bởi thư bảo lãnh của Mr Lee Jae Eun
ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	41,057,478,606	1,795,018.98	Vay ngắn hạn 6 tháng	2.500%	Không cần tài sản đảm bảo
ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	5,539,488,141		Vay ngắn hạn 6 tháng	5.50%	Không cần tài sản đảm bảo
	129,644,782,391				

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4,473,487,691	2,954,458,996
Thuế xuất, nhập khẩu	-	573,239,843
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,318,656,618	22,436,698,823
Thuế thu nhập cá nhân	754,462,205	717,881,952
Các loại thuế khác	-	77,749,679
	<u>11,546,606,514</u>	<u>26,760,029,293</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
EP international			10,648,692,462	10,648,692,462
SL Company	3,488,343,752	3,488,343,752		
Line textile	1,417,623,352	1,417,623,352		
JEIL pamel Vina	856,481,202	856,481,202		
Đối tượng khác	33,552,149,394	33,552,149,394	33,161,161,924	33,161,161,924
	<u>39,314,597,700</u>	<u>39,314,597,700</u>	<u>43,809,854,386</u>	<u>43,809,854,386</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải trả tiền coupon	561,363,636	588,840,909
Kinh phí công đoàn	336,601,309	4,908,000
Bảo hiểm xã hội	1,475,856	84,545,734
Phải trả- phải nộp khác	6,223,052,637	360,394,169
	<u>7,122,493,438</u>	<u>1,038,688,812</u>

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác... Theo đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được coi là cùng lĩnh vực kinh doanh và là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	9,949,623,119	(108,571,925)	436,787,936,102	907,002,732,940
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	89,614,826,276	89,614,826,276
Chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	-	12,072,724,247	10,491,434,356	-	-	-	22,564,158,603
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	5,677,130,953	-	(5,677,153,321)	(22,368)
Tăng khác (i)	-	-	-	-	(63,669,523)	-	(63,669,523)
Cổ tức đã chia	139,932,550,000	-	-	-	-	(195,829,594,106)	(55,897,044,106)
Giảm khác	-	-	-	(3,571,367,632)	-	-	(3,571,367,632)
Số dư tại ngày 01/01/2017	419,797,730,000	203,072,724,247	-	12,055,386,440	(172,241,448)	324,896,014,951	959,649,614,190
Phát hành cổ phiếu (i)	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	21,427,240,609	21,427,240,609
Phát hành cổ phiếu (i)	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (i)	-	-	-	4,480,741,313	-	(4,480,741,313)	0
Tăng khác (i)	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức đã chia (ii)	-	-	-	-	-	(41,920,159,254)	(41,920,159,254)
Mua cổ phiếu quỹ (iii)	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác (iii)	-	-	-	-	531,967,698	-	531,967,698
Giảm khác (iv)	-	-	-	(2,016,711,890)	-	-	(2,016,711,890)
Số dư tại ngày 30/06/2017	419,797,730,000	203,072,724,247	-	14,519,415,863	359,726,250	299,922,354,994	937,671,951,354

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 05 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 279.865.180.000 VND, tương ứng với 27.986.518 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 30/06/2017	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	15.98%	6,706,800	67,068,000,000	15.98%	67,068,000,000
NH Investment & Securities Co., Ltd.				7.59%	31,880,250,000
Other shareholders	84.02%	35,272,973	352,729,730,000	76.43%	320,849,480,000
	100%	41,979,773	419,797,730,000	100%	419,797,730,000

Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41,979,773	41,979,773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41,979,773	41,979,773
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41,979,773	41,979,773
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41,979,773	41,979,773
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41,979,773	41,979,773
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14,519,415,863	12,055,386,440

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	<u>Quý 2/2017</u>	<u>Quý 2/2016</u>
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm	119,720,561,147	95,322,547,652
Doanh thu thành phẩm bông	102,288,258,031	131,015,276,276
Doanh thu bán phế liệu	340,196,878	145,824,492
	<u>222,349,016,056</u>	<u>226,483,648,420</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	48,671,454	103,320,306
<i>Hàng bán bị trả lại</i>		<i>103,320,306</i>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>48,671,454</i>	
Doanh thu thuần về bán hàng	<u>222,300,344,602</u>	<u>226,380,328,114</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Quý 2/2017</u>	<u>Quý 2/2016</u>
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm	99,823,363,129	81,219,834,500
Giá vốn thành phẩm bông	50,525,544,307	65,568,493,353
	<u>150,348,907,436</u>	<u>146,788,327,853</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý 2/2017</u>	<u>Quý 2/2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2,523,760,980	1,772,243,473
Lãi chênh lệch tỷ giá	(105,783,875)	(2,432,965,818)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
	<u>2,417,976,882</u>	<u>(660,722,345)</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Quý 2/2017</u>	<u>Quý 2/2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	975,406,329	1,187,768,647
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,901,892,679	(1,026,038,747)
Chi phí tài chính khác	5,991,408	-
	<u>2,883,290,416</u>	<u>161,729,900</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Quý 2/2017</u>	<u>Quý 2/2016</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,128,385,261	626,596,164
- Chi phí nhân công	9,134,493,780	8,073,364,521
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	669,184,456	643,455,255
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,710,462,466	6,423,840,699
- Chi phí khác	9,074,704,030	868,840,726
	<u>26,717,229,993</u>	<u>16,636,097,365</u>
Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50,915,162	860,572,179
- Chi phí nhân công	16,092,089,116	15,104,065,409
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài	2,417,091,304	1,524,519,384
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,408,373,821	5,589,431,244
- Chi phí khác	5,180,839,896	4,791,736,473
	<u>27,149,309,298</u>	<u>27,870,324,688</u>

24. THU NHẬP KHÁC

	<u>Quý 2/2017</u>	<u>Quý 2/2016</u>
Thanh lý nhượng bán TSCD		(457,485,607)
Thu nhập khác	(843,623,193)	298,254,505
	<u>(843,623,193)</u>	<u>(159,231,102)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Quý 2/2017</u>	<u>Quý 2/2016</u>
Thanh lý nhượng bán TSCD	-	(497,289,243)
Chi phí khác	61,772,605	744,803,680
	<u>61,772,605</u>	<u>247,514,437</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	<u>6 Tháng năm 2017</u>	<u>6 tháng năm 2016</u>
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198,982,471,850	218,214,343,193
- Chi phí nhân công	92,317,715,508	84,684,311,877
- Chi phí khấu hao và hao mòn	16,802,414,613	13,160,967,836
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29,473,103,995	24,707,488,568
- Chi phí khác	14,202,536,125	8,746,415,311
	<u>351,778,242,093</u>	<u>349,513,526,785</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>6 Tháng năm 2017</u>	<u>6 tháng năm 2016</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	28,266,705,516	52,998,193,027
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7,863,892,940	160,194,663
Trừ: Lợi nhuận được miễn, giảm thuế	825,924,797	2,466,814,536
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7,863,892,940	2,627,009,199
Thu nhập chịu thuế	36,130,598,456	53,158,387,690
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh được ưu đãi thuế ở mức thuế suất 20%</i>	<i>36,130,598,456</i>	<i>53,158,387,690</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,498,698,762	10,844,088,003
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,498,698,762	10,844,088,003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế hoãn lại năm 2017

	2017	
	Số tiền	Số thuế
Tài sản thuế hoãn lại		
Doanh thu chưa thực hiện	(27,477,273)	(5,495,454)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,093,005,834	218,601,166
Dự phòng phải thu khó đòi	3,475,458,997	695,091,799
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4,274,692,322)	(854,938,464)
		53,259,047
Nguồn vốn thuế hoãn lại		
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	1,367,226,122	273,445,224
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	(602,324,797)	(120,464,959)
Thuế hoãn lại năm trước liên quan đến công ty con		(547,005,457)
		(394,025,192)
Thuế hoãn lại		(340,766,145)

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	2017	2016
Lợi nhuận sau thuế chưa phân bổ	21,427,240,609	42,154,105,024
Lợi nhuận sau khi điều chỉnh	21,427,240,609	42,154,105,024
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông	<u>41,979,773</u>	<u>41,718,323</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	510	1,010
Lãi pha loãng trên cổ phiếu	510	1,010

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	6 tháng năm 2017	năm 2016
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Cho vay		16,040,000,000
		Thu tiền cho vay		3,640,000,000
		Lãi cho vay	1,833,318,836.0	4,157,661,832
		Doanh thu gia công	968,351,815.0	2,851,649,941
		Thanh lý tài sản	-	400,000,000
		Dịch vụ	619,978,958.0	880,000,000
		Khác		2,706,060
		Mua miếng lau màn hình	185,665,575.0	809,950,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư cuối quý

Phải thu			30/06/2017	31/12/2016
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Gia công	664,602,285	1,206,407,784
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Lãi cho vay	3,383,030,336	1,549,711,500
		Khác	1,389,978,958	730,000,000
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Cho vay	60,773,000,000	60,773,000,000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VNĐ

	6 tháng năm 2017	6 tháng năm 2016
Lương gộp và các quyền lợi khác	8,130,263,001	8,242,133,458
	8,130,263,001	8,242,133,458

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán.

31. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN QUÝ 2/2017

Công ty Cổ phần Everpia xin được giải trình chênh lệch biến động tăng/ giảm của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2017 so với quý 2 năm 2016

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch (%)
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 2	222,300,344,602	226,380,328,114	-2%
Lợi nhuận sau thuế quý 2	12,425,942,242	27,994,475,642	-56%
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng 6 tháng	372,761,552,286	377,807,106,618	-1%
Lợi nhuận sau thuế 6 tháng	21,427,240,609	42,154,105,024	-49%

Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 2 năm 2017 so với quý 2 năm 2016 giảm 2%, tổng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh 6 tháng năm 2017 giảm 1% so với cùng kỳ năm trước. Việc giảm doanh thu này do ảnh hưởng của tình hình thời tiết đầu năm. Tuy nhiên, do thực hiện nhiều chính sách bán hàng kích cầu tiêu dùng đối với khách hàng như tăng cường các chương trình quảng cáo, đầu tư lại hệ thống băng biển cho đại lý, tham gia các chương trình bán hàng khuyến mại tại hội chợ hay giảm giá cho đại lý.... nên chi phí bán hàng của công ty 6 tháng năm 2017 tăng 42% so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận sau thuế của công ty giảm 56% trong quý 2 và giảm 49% trong 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

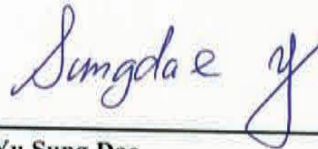
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC QUÝ TÀI CHÍNH

Công ty đang trong giai đoạn thương thảo và chuẩn bị tài liệu để tiến hành phát hành trái phiếu có tài sản đảm bảo, giá trị của đợt phát hành này là 150.000.000 tỷ VNĐ.



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc phụ
trách tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017
